附表 O-1

吳鳳科技大學學生校外實習滿意度調查表(實習生專用)
Bảng câu hỏi về sự hài lòng cho sinh viên thực tập Đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng (Chỉ dành cho thực tập sinh)

同學您好：

Xin chào các bạn sinh viên：

本學期校外實習課程已順利結束了，為使本校實習課程執行日趨完善，擬以不具名問卷方式收集同學意見，煩請各位同學以親身的經歷，提供寶貴意見及建議，進而嘉惠學弟妹，謝謝您的幫忙。您所填寫的資料僅作為調查用，絕不對外公開，敬請安心作答。

Khóa học thực tập ngoài trường học kỳ này đã kết thúc thành công, để làm cho việc thực hiện các khóa thực tập trong trường ngày càng hoàn hảo, kế hoạch thu thập ý kiến của các sinh viên bằng bảng câu hỏi ẩn danh, làm phiền các bạn sinh viên đích thân trải nghiệm, cung cấp ý kiến và đề xuất có giá trị, hơn nữa gia tăng lợi ích cho các sinh viên khóa dưới, xin cảm ơn sự giúp đỡ của các bạn, Thông tin bạn điền vào chỉ để khảo sát, tuyệt đối không công khai bên ngoài, kính xin yên tâm trả lời

敬祝

Kính chúc

健康如意

Sức khỏe như ý

吳鳳科技大學　就業暨校友服務組　敬啟

Nhóm Dịch vụ Cựu sinh viên　Đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng kính gửi

聯絡電話：05-2267125#22133

điện thoại liên lạc　: 05-2267125#22133

第一部份-個人基本資料 Phần 1 – tư liệu cá nhân cơ bản

下列的問題請幫助我們完成一些需要統計分析的資料。請依照您目前的情況在☐內進行勾選。[**Các câu hỏi sau xin vui lòng giúp chúng tôi hoàn thành một số dữ liệu cần phân tích thống kê. Vui lòng điền theo tình hình hiện tại của bạn_____]**

1.性　別[giới tính]：☐男生[Nam]　☐女生[Nữ]

2.年　級[năm thứ mấy]：☐一年級[năm nhất]　☐二年級[năm hai]

☐三年級・[năm ba]　☐四年級[năm tư]

3.就讀學院[học viện theo học]：☐安全工程學院[học viện kỹ thuật an toàn]

☐數位管理學院[học viện quản lí kỹ thuật số]

4.就讀系所[ngành theo học:]：☐電機工程系[ngành kỹ thuật điện tử]

☐安全科技與管理系[ngành an toàn Công nghệ và quản lí]

☐機械工程系[ngành kỹ thuật cơ khí]

☐餐旅管理系[ngành quản lý khách sạn và du lịch]

☐應用數位媒體系[ngành quản lí truyền thông]

☐觀光休閒管理系[Khoa quản lý du lịch]

5.請填寫您所實習機構的公司名稱[Vui lòng điền tên công ty thực tập của bạn]：_____

附表 O-2

第二部份-學生校外實習整體滿意度

[Phần 2-Sự hài lòng tổng thể của sinh viên thực tập ngoài trường]

下列的問題是針對有關您參與校外實習整體滿意度的情形，請依照您的實際情況進行勾選☑。

Các câu hỏi sau được dựa trên khảo sát sự hài lòng tổng thể về tình hình công việc biểu hiên của sinh viên trường chúng tôi trong quý công ty, Vui lòng kiểm tra theo tình hình thực tế chọn đánh dấu

由 1~5，數字愈大代表句中所描述的情況與您的實際情況符合；數字愈小代表句中所描述的情況與您的實際情況不符合。所有的問題都被評分為：1(非常不滿意)到 5(非常滿意)。

từ 1~5, Số càng lớn, biểu thị tình huống được mô tả trong câu và tình hình thực tế của bạn phù hợp, Số càng nhỏ, biểu thị tình huống được mô tả trong câu và tình hình thực tế của bạn không phù hợp, Tất cả các câu hỏi được đánh giá là : 1 (vô cùng không hài lòng) đến 5 (vô cùng hài lòng)

學生校外實習整體滿意度 sự hài lòng tổng thể của sinh viên thực tập	非常不滿意 1	不滿意 2	普通 3	滿意 4	非常滿意 5
1.實習機構派遣給您的職務與實際工作內容很相符 Vị trí được giao cho bạn bởi cơ quan thực tập phù hợp với công việc thực tế	☐	☐	☐	☐	☐
2.實習機構派遣給您的工作，您都可以順利完成 Bạn có thể hoàn thành thành công công việc được giao bởi cơ quan thực tập	☐	☐	☐	☐	☐
3.實習機構對您的職能訓練，有助於提升您的職場工作能力 Việc đào tạo chức năng của tổ chức thực tập cho bạn sẽ giúp cải thiện khả năng làm việc của bạn tại nơi làm việc	☐	☐	☐	☐	☐
4.實習機構的工作，能讓我應用在校所學的專業知識與技能 Công việc của tổ chức thực tập cho phép áp dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn đã học ở trường	☐	☐	☐	☐	☐
5.實習機構的同事與您相處的很融洽 Các đồng nghiệp của nơi thực tập hòa hợp với bạn	☐	☐	☐	☐	☐
6.實習機構有人協助指導實習上遇到的困難。 Cơ quan thực tập có người hỗ trợ hướng dẫn những khó khăn gặp phải trong quá trình thực tập	☐	☐	☐	☐	☐
7.校外實習能增強您的實務能力 Thực tập ngoài trường có thể tăng cường khả năng thực tế của bạn	☐	☐	☐	☐	☐
8.校外實習有助於您問題解決能力的提升 Thực tập ngoài trường có thể giúp bạn cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề của mình	☐	☐	☐	☐	☐

學生校外實習整體滿意度 sự hài lòng tổng thể của sinh viên thực tập	非常不滿意 1	不滿意 2	普通 3	滿意 4	非常滿意 5
9.校外實習讓您認識一個公司的運作有助於您未來的就業發展 Thực tập ngoài trường cho thấy rằng hoạt động của một công ty sẽ giúp phát triển việc làm trong tương lai	☐	☐	☐	☐	☐
10.校外實習期間您對自己的學習成長感到滿意 Trong thời gian thực tập bên ngoài trường, bạn hài lòng với sự phát triển học tập của mình	☐	☐	☐	☐	☐
11.系上老師會來訪視或利用各種管道關心您的實習學習狀況。 Giáo viên sẽ đến thăm hỏi hoặc dùng những hình thức khác để quan tâm đến tình hình thực tập của sinh viên	☐	☐	☐	☐	☐
12.你會推薦學校繼續向該實習合作機構徵求實習機會，並推薦學弟妹至該機構實習 Bạn sẽ đề nghị nhà trường tiếp tục tìm kiếm cơ hội thực tập từ tổ chức đối tác thực tập và giới thiệu sinh viên khóa dưới đến với cơ cấu thực tập	☐	☐	☐	☐	☐

13.實習機構是否已向您表達畢業後要請您留任(聘任您為正式員工)？ Tổ chức thực tập có bày tỏ với bạn rằng họ muốn bạn ở lại làm việc sau khi tốt nghiệp (thuê bạn như một nhân viên bình thường) không?	☐是(請續填下一題) Có (vui lòng tiếp tục điền vào câu hỏi tiếp theo)	☐否(請跳至第 16.題開始填寫) Không (vui lòng bỏ qua câu 16 và bắt đầu điền)
14.您是否有意願留任。 Bạn có sẵn sàng ở lại vị trí này không?	☐是(請跳至第 16.題開始填寫) Có (vui lòng bỏ qua câu 16 và bắt đầu điền câu hỏi)	☐否(請續填下一題) Không (vui lòng điền câu kế tiếp)

15.不願留任的原因是：

Lý do miễn cưỡng ở lại:

☐不適應/不適合 Không thích nghi /không phù hợp ☐工作負荷 Khối lượng công việc

☐管理制度 Hệ thống quản lý

☐主管或領導者的領導風格 Phong cách lãnh đạo của người giám sát hoặc lãnh đạo

☐工作環境氛圍 Bầu không khí môi trường làm việc ☐薪資福利 Lương và phúc lợi

☐未來發展性 Tương lai phát triển ☐健康因素 Yếu tố sức khỏe ☐進修 Học vấn nâng cao

☐其他 Những vấn đề khác_____

16.其他意見分享 chia sẽ ý kiến khác：

_____

_____

_____

_____

附表 O-3

第三部份-學生證照與校外實習關聯性調查

[Phần III - Khảo sát về mối tương quan giữa chứng chỉ sinh viên và thực tập ngoài trường]

下列的問題是針對有關您證照的取得與參與校外實習的相互關連性調查，請依照您的實際情況進行勾選 ☑。由 1~5，數字愈大代表句中所描述的情況與您的實際情況符合；數字愈小代表句中所描述的情況與您的實際情況不符合。所有的問題都被評分為：1(非常不滿意)到 5(非常滿意)。

Các câu hỏi sau đây nhằm mục đích điều tra mối tương quan giữa việc lấy chứng chỉ của bạn và tham gia thực hành bên ngoài trường. Vui lòng đánh dấu R theo tình hình thực tế của bạn. Từ 1 đến 5, số càng lớn, tình huống được mô tả trong câu phù hợp với tình huống thực tế của bạn, số càng nhỏ, tình huống được mô tả trong câu không khớp với tình huống thực tế của bạn. Tất cả các câu hỏi được đánh giá theo thang điểm: 1 (rất không hài lòng) đến 5 (rất hài lòng).

請問您入學後至實習前，是否已有取得證照？

Cho em hỏi từ lúc nhập học đến lúc thực tập em có được cấp giấy chứng nhận gì không ạ?

☐是 có

☐否(請直接至題項 2 開始填寫) Không (hãy vào thẳng mục 2 và bắt đầu điền)

題項 hạng mục	非常不同意 1	不同意 2	普通 3	同意 4	非常同意 5
1. 您認為您所取得的證照，對於您的實習工作是有幫助的？(尚未取得任一證照者，請跳過此題項的填答) Bạn có nghĩ rằng chứng chỉ bạn đạt được có giúp ích trong việc thực tập của bạn không? (Nếu không có nhận bằng chứng chỉ nào xin bỏ qua câu hỏi này)	☐	☐	☐	☐	☐
2. 您認為如果您於實習前即取得證照，會增加實習機會的取得。 Bạn nghĩ rằng nếu bạn có được giấy phép trước khi thực tập, nó sẽ tăng cơ hội thực tập.	☐	☐	☐	☐	☐
3. 您認為您的實習訓練與內容，有助於未來相關證照的取得。 Bạn nghĩ rằng nội dung và khóa đào tạo thực tế của bạn sẽ giúp bạn đạt được các chứng chỉ liên quan trong tương lai.	☐	☐	☐	☐	☐